

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-PT  
Ngày: 08/5/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tử.

*Các Thẩm phán:* 1./ Ông Nguyễn Minh Thành  
2./ Bà Dương Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Yên – Thư ký TAND tỉnh Kon Tum.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:** Bà Chu Thị Sáu

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Bích Ng, sinh năm 1990  
Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Tr, sinh năm 1986  
Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

*Người làm chứng:*

1. Chị Trương Thị N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

3. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Nơi làm việc: Công ty TNHH xây dựng N (xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

5. Ông Đoàn Ng H

Địa chỉ: Thôn 5, xã H, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Bích Ng trình bày:*

Vào ngày 25/4/2017, chị Trương Thị Bích Ng có cho anh Đoàn Văn Tr vay số tiền 101.500.000 đồng thỏa thuận 03 ngày sẽ trả, ngày 10/5/2017 chị Ng tiếp tục cho anh Tr vay số tiền 150.000.000 đồng thỏa thuận 05 ngày sẽ trả. Tổng cộng hai khoản tiền trên là 251.500.000 đồng, việc vay mượn được xác lập thành văn bản, không thỏa thuận về lãi suất. Từ khi vay đến nay anh Tr không trả gốc và lãi cho chị Ng, chị Ng đã nhiều lần yêu cầu anh Tr trả nợ nhưng anh Tr không trả. Đến nay chị Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Tr trả nợ gốc và lãi theo quy định của pháp luật, từ ngày vay đến ngày nộp đơn khởi kiện ra Tòa án tạm tính là 320.900.000 đồng và tiền lãi từ khi nộp đơn cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,8%, yêu cầu trả một lần.

*Bị đơn anh Đoàn Văn Tr trình bày:* Anh Tr và chị Ng có mối quan hệ quen biết và làm ăn từ năm 2016, hai bên vẫn thường xuyên cho nhau mượn tiền, tuy nhiên khi vay mượn tiền thì viết giấy vay tiền nhưng khi trả tiền thì chỉ đưa tiền và thỏa thuận miệng chứ không hủy giấy nợ. Vào năm 2017 anh Tr có vay số tiền đúng như hai giấy nợ chị Ng đang khởi kiện, nhưng anh Tr cho rằng, ngay sau đó anh Tr đã trả đủ cả gốc và lãi đúng ngày theo giấy thỏa thuận vay tiền cho chị Ng, nhưng do tin tưởng nhau nên khi trả tiền anh Tr không cầm lại giấy nợ gốc. Ngày 12/5/2018 anh Tr phát hiện chị Ng lợi dụng giấy vay tiền mà trước đó chị Ng không hủy để vay mượn tiền những người khác, lấy lý do anh Tr đang nợ tiền nên không có tiền thanh toán những chỗ chị Ng đang nợ. Vì vậy, anh Tr đã nói chuyện với chị Ng và quay video, ghi âm lại việc chị Ng có khẳng định: Giữa anh Tr và chị Ng không còn nợ số tiền nào cả, có rất nhiều người chứng kiến việc chị Ng xác nhận anh Tr không còn nợ tiền chị Ng cho đến tháng 5/2018. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Ng anh Tr không chấp nhận.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà xử:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bích Ng.
2. Án phí dân sự sơ thẩm:
  - Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
  - Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị Bích Ng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.045.000 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.022.000 đồng (*Tám triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng*) mà chị Trương Thị Bích Ng đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009581 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Trương Thị Bích Ng còn phải nộp 8.023.000 đồng (*Tám triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2019, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Bích Ng vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và không rút đơn khởi kiện.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến: Tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Trương Thị Bích Ng giữ nguyên Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của TAND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trên cơ sở 02 giấy vay tiền ngày 25/4/2017, 10/5/2017, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Ng yêu cầu anh Đoàn Văn Tr trả số tiền 320.900.000 đồng (trong đó có 251.500.000 đồng tiền gốc và 69.400.000 đồng tiền lãi) và tiền lãi 0,8%/ tháng, từ khi nộp đơn đến khi giải quyết xong vụ án, thấy rằng:

Căn cứ 02 giấy vay tiền ngày 25/4/2017, 10/5/2017 xác định được có việc anh Đoàn Văn Tr vay chị Ng số tiền tổng cộng hai lần là 251.500.000 đồng, anh

Tr cũng thừa nhận việc này. Tuy nhiên, anh Tr cho rằng đã trả hết nợ cho chị Ng đúng thời hạn thỏa thuận trong giấy vay tiền. Để chứng minh cho ý kiến của mình anh Tr cung cấp cho Tòa án sơ thẩm đoạn video và ghi âm vào năm 2018 thể hiện nội dung chị Ng khẳng định anh Tr không còn nợ gì chị Ng cả. Chị Ng thừa nhận tiếng nói và hình ảnh của mình trong đoạn video và ghi âm nhưng cho rằng anh Tr nhờ chị Ng nói như vậy nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm chị Ng đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định anh Tr đã trả hết nợ cho chị Ng, chị Ng yêu cầu anh Tr trả nợ gốc và lãi là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của chị Ng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chị Trương Thị Bích Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Trương Thị Bích Ng.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích Ng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị Bích Ng phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.045.000 đồng (*Mười sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) và số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.022.000 đồng (*Tám triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng*) và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Trương Thị Bích Ng đã nộp theo các biên lai số AA/2010/0009581 ngày 24 tháng 4 năm 2019 và AA/2016/0000690 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Trương Thị Bích Ng còn phải nộp tiếp số tiền án phí 8.023.000 đồng (*Tám triệu, không trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (**08/5/2020**).

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Đắk Hà;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tử**